

Bản án số: 745/2019/HC-PT

Ngày: 21-10-2019

V/v: “*Khiếu kiện quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa: Ông Hoàng Minh Thịnh

Các Thẩm phán: Ông Đặng Quốc Khởi

Ông Nguyễn Văn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Lê Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Cao Minh Trí - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 455/2019/TLPT-HC ngày 07/8/2019 về việc: “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 38/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 962/2019/QĐ-PT ngày 19 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1957

Địa chỉ: Số 75A Khu phố Hương Sơn, phường X, Thành phố Y, tỉnh Z. Có mặt

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y.

2. Ủy ban nhân dân Thành phố Y, tỉnh Z

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Hoàng – Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Vinh Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn Thanh – Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố Y. Có đơn xin xét xử vắng mặt

Cùng địa chỉ: Số 137 đường 27/4, phường Phước Hiệp, Thành phố Y, tỉnh Z.

- *Người kháng cáo:* người khởi kiện bà Nguyễn Thị B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 17/11/2017, bà Nguyễn Thị B có Đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất bổ sung đối với phần đất còn thiếu nằm trong tổng diện tích 2.640m² đất, bà B nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Pháp (cha bà B).

Ngày 15/5/2018, UBND Thành phố Y ban hành Công văn số 1560/UBND-VP (gọi tắt là Công văn số 1560) về việc trả lời đơn của bà Nguyễn Thị B, với nội dung: “Việc bà Nguyễn Thị B đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.005m² thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương nằm trong tổng diện tích 2.640m² do nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Pháp (cha bà B) là không có cơ sở xem xét, giải quyết, lý do: Thửa 04/2.005m², tờ bản đồ số 17, phường Long Hương là đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý”.

Không đồng ý với Công văn số 1560, bà B khiếu nại lên Chủ tịch UBND Thành phố Y.

Ngày 20/12/2018, Chủ tịch UBND Thành phố Y ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND (gọi tắt là Quyết định số 6434) về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, với nội dung: “Bác nội dung khiếu nại theo đơn đề ngày 25/4/2018 của bà Nguyễn Thị B, ngụ tại số 75A, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, Thành phố Y về khiếu nại Công văn số 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018 của UBND thành phố về việc trả lời đơn đề ngày 17/11/2017 của bà Nguyễn Thị B”.

Không đồng ý với Công văn số 1560 và Quyết định số 6434. Ngày 17/01/2019, bà B khởi kiện tại Tòa án.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện trình bày:

Nguồn gốc 2.640m² đất là của ông Võ Văn Vĩnh và bà Nguyễn Thị An, sau đó ông Vĩnh bà An cho ông Nguyễn Văn Pháp (sinh năm 1918, mất năm 1979 là bố bà B), ông Pháp sinh sống và canh tác trên đất. Năm 1936, Chùa Võ từ đường thành lập thì chùa cho 02 dòng họ là họ Nguyễn và họ Võ sử dụng và gìn giữ đất. Năm

1968 chùa bị hư hỏng, con gái ông Vĩnh bà An là bà Võ Thị Hường thay mặt chùa đứng ra kêu gọi sửa chữa, sau đó bà Hường bán phần đất của họ Võ cho bố bà B là ông Pháp, việc mua bán bằng giấy tay, hiện đã bị thất lạc.

Gia đình bà B sử dụng toàn bộ đất này từ năm 1968, bố mẹ bà B không biết chữ nên khi còn sống đã cho tài sản các anh chị em, việc cho bằng miệng và ai sử dụng phần đất nào thì tự kê khai, đóng thuế phần đó. Do đó, bà B được bố mẹ để lại cho toàn bộ đất 2.650m². Các anh chị em của bà B là bà Nguyễn Thị Mai, bà Nguyễn Thị Hoa và ông Nguyễn Văn Bỉ không tranh chấp đất với bà B đối với phần diện tích đất này.

Năm 1986, có cán bộ tỉnh vào đo đạc tại chùa Long Cốc Tự thì bà B có ra xin đăng ký và kê khai đòi toàn bộ 3.300m², nhưng sau cán bộ tỉnh trừ đi phần diện tích có mồ mả, còn lại là thực tế bà B sử dụng diện tích 2.650m².

Năm 2008, chị gái bà B là bà Nguyễn Thị Hoa đi làm GCNQSD đất cho bà B (bà Hoa tự ý đi làm GCNQSD đất) và yêu cầu bà B đưa tiền để lấy GCNQSD đất (11.000.000 đồng). Năm 2011, thì bà B nhận được GCNQSD đất đối với diện tích 750m². Nhận thấy phần đất này còn thiếu so với diện tích đất thực tế sử dụng nên bà làm đơn yêu cầu cấp phần còn thiếu là khoảng 2.005m², nhưng không được cấp với lý do là đất mồ mả do Nhà nước quản lý.

Không đồng ý với trả lời của UBND Thành phố Y, bà B làm đơn khiếu nại lên Chủ tịch UBND Thành phố Y. Chủ tịch UBND Thành phố Y đã bác đơn khiếu nại của bà B.

Tờ thỏa thuận gia tộc ngày 24/12/2007 do người bị kiện cung cấp bà B xác nhận là không có thực. Gia đình bà B không có việc thỏa thuận gia tộc nào hết và bà B cũng không ký vào tờ thỏa thuận này.

Không đồng ý với Quyết định số 6434. Ngày 17/01/2019, bà B có đơn khởi kiện tại Tòa án, yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 1560 và Hủy Quyết định số 6434;

- Buộc UBND Thành phố Y công nhận và cấp GCNQSD đất cho bà B đối với 2.005m² đất thuộc thửa đất 04, tờ bản đồ 17 tại phường Long Hương, Thành phố Y theo quy định của pháp luật.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện trình bày:

Nguyên nhân phát sinh khiếu kiện của bà Nguyễn Thị B:

Ngày 17/11/2017, bà B có Đơn đề nghị cấp GCNQSD đất bổ sung đối với phần diện tích còn lại trong tổng diện tích 2.640m² do nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Pháp (cha bà B). Tại buổi làm việc ngày 27/12/2017 với Phòng Tài nguyên và Môi trường, xác định: Phần đất bà B đề nghị cấp Giấy chứng nhận bổ sung trong tổng 2.640m² thuộc thửa số 04/2.005m², tờ bản đồ số 17 (bản đồ số hóa năm 2004), phường Long Hương.

Quá trình UBND Thành phố Y và Chủ tịch UBND Thành phố Y giải quyết đơn của bà B như đã trình bày trên.

Kết quả xác minh, nguồn gốc đất thửa số 04/2.005m² tờ bản đồ số 17, phường Long Hương:

Năm 2007, ông Võ Văn Dân (đại diện Võ Từ Đường) có đơn đề nghị xác minh nguồn gốc đất Võ Từ Đường tạo lập năm 1932 liên quan đến việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Pháp (do bà Nguyễn Thị Hoa đại diện). Ngày 05/12/2007, UBND thị xã Bà Rịa (nay là Thành phố Y) ban hành Quyết định số 2927/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Võ Văn Dân, theo đó quyết định: “... Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1998, tờ bản đồ số 52 phường Long Hương, vị trí đất các con ông Pháp đang sử dụng như sau: Ông Nguyễn Văn Bỉ sử dụng thửa 183/886,5m²; bà Nguyễn Thị Mai sử dụng thửa 166/311,3m² và bà Nguyễn Thị B sử dụng thửa 149/745,4m²”. Như vậy, theo Quyết định trên thì tổng diện tích đất ông Pháp sử dụng và để lại cho các con ông Pháp sử dụng chỉ là 1.943,2m² thuộc các thửa số 183, 166, 149 tờ bản đồ số 52 mà không có thửa số 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương.

Ngày 12/12/2007, bà B có Đơn xin cấp GCNQSD đất chỉ đối với 745,4m² thuộc thửa 149 (nay là thửa 286), tờ bản đồ số 52 (nay là tờ 13), phường Long Hương với nguồn gốc đất tự khai là “*thừa kế của cha*”, mà không yêu cầu được cấp GCNQSD đất đối với toàn bộ diện tích 2.640m².

Tại Tờ thỏa thuận gia tộc phân chia tài sản thừa kế do ông Pháp để lại (có xác nhận của UBND phường Long Hương) lập ngày 24/12/2007 với nội dung thống nhất như sau: “...*Giao toàn quyền sử dụng đất diện tích 745,4m² thuộc thửa số 149, tờ bản đồ số 52 (chưa được cấp GCNQSD đất). Hiện tọa lạc tại khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Nguyễn Thị B được toàn quyền sử dụng vĩnh viễn. Giao toàn quyền sử dụng diện tích đất 311,3m² thuộc thửa 166, tờ bản đồ số 52 (đất chưa được cấp GCNQSD đất) hiện tọa lạc tại khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Nguyễn Thị Mai được toàn quyền sử dụng vĩnh viễn. Riêng diện*

tích đất là 866,5m² thuộc thửa số 183, tờ bản đồ số 52 (đất chưa được cấp GCNQSD đất). Bà Hoa cùng 03 người cháu thỏa thuận bà Hoa sẽ thay mặt đứng tên Giấy chứng nhận. Sau khi được cấp Giấy chứng nhận thống nhất chia cho mỗi (cháu) 80m², và chia thêm cho bà Mai 80m². Phần còn lại bà Hoa được toàn quyền sử dụng vĩnh viễn”. Tại Văn bản này, bà B có thống nhất và đồng ý ký tên.

Ngày 31/10/2008, bà B và ông Lê Hùng Mạnh (chồng bà B) được UBND thị xã Bà Rịa cấp GCNQSD đất số AN 761580 đối với thửa số 58/753,6m² tờ bản đồ số 13 phường Long Hương.

Sau đó, bà B thực hiện thủ tục tách thửa đất trên. Năm 2008, ông Mạnh chết, không để lại di chúc. Ngày 11/01/2011, các ông (bà) Trần Thị Trừ, Nguyễn Thị B, Lê Minh Cảnh, Lê Hoàng Giang, Lê Minh Vương và Lê Giang Châu lập Văn bản phân chia di sản thừa kế đối với $\frac{1}{2}$ quyền sử dụng đất thửa 286/410,1m² (có 150,0m² đất ở), tờ bản đồ số 13. Theo đó, thống nhất thỏa thuận bà B được sử dụng diện tích 294,8m² (có 70,0m² đất ở) thuộc thửa 286 tờ 13 phường Long Hương.

Ngày 28/01/2011, bà B được UBND thị xã Bà Rịa cấp Giấy chứng nhận số BD 102619 đối với diện tích 294,8m² thuộc thửa 286, tờ bản đồ số 13, phường Long Hương.

Kiểm tra hồ sơ địa chính gồm Sổ mục kê, Bản đồ địa chính các năm 1998, 2004 xã Long Hương cho thấy:

- Sổ Mục kê năm 1998 ghi nhận thửa 04/1.934,8m² tờ bản đồ số 56 không có cá nhân, tổ chức nào đăng ký kê khai (ghi chú là nghĩa địa). Tại Sổ Mục kê năm 2004 ghi nhận thửa 04/2.005m² tờ bản đồ số 17 không có cá nhân, tổ chức nào đăng ký kê khai.

- Bản đồ địa chính các năm 1998, 2004 thể hiện thửa 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương là đất nghĩa địa.

Đồng thời, tại Báo cáo số 09/BC-UBND ngày 08/01/2018 của UBND phường Long Hương, xác nhận: “...*Riêng thửa 04, tờ bản đồ số 17 bà B xin cấp Giấy chứng nhận có nguồn gốc của gia tộc bà Đoàn Xuân Chánh sử dụng làm nghĩa địa (mồ mã chôn rất lâu đời). Hiện UBND phường đang trực tiếp quản lý thửa đất này theo Quyết định số 1489/QĐ.UB ngày 11/8/2005 của UBND thị xã Bà Rịa*”.

Như vậy, theo hồ sơ địa chính thì 2.005m² thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương bà B đang khiếu nại, khởi kiện về đề nghị cấp GCNQSD đất có nguồn gốc của gia tộc bà Đoàn Xuân Chánh do bà Nguyễn Thị An và ông Võ Văn Vĩnh nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Thọ năm 1918 sử dụng làm

nghĩa địa gia tộc. Do gia đình bà An, ông Vĩnh không trực tiếp quản lý phần đất này mà giao cho ông Võ Văn Còn quản lý từ năm 1937 nên các hộ dân trong khu vực tự chôn cất mồ mả từ rất lâu đời.

Cơ sở pháp lý UBND Thành phố Y ban hành Văn bản số 1560 và Quyết định số 6434:

Căn cứ kết quả xác minh nói trên, đồng thời trên cơ sở Báo cáo số 37/BC-TNMT ngày 09/3/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố, thì việc UBND thành phố ban hành Văn bản số 1560 là có căn cứ và phù hợp quy định tại Khoản 5 Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ đơn đề ngày 24/5/2018 của bà B, kết quả buổi làm việc ngày 06/8/2018 với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố. Đồng thời, trên cơ sở Báo cáo số 226/BC-TNMT ngày 30/8/2018 của Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố về báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của bà B và kết quả buổi đối thoại ngày 13/11/2018, việc UBND Thành phố Y ban hành Quyết định số 6434 giải quyết khiếu nại của bà B (lần đầu) là đúng quy định về thẩm quyền và trình tự thủ tục giải quyết khiếu nại hành chính của Luật Khiếu nại 2011; Thông tư số 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết khiếu nại hành chính và Thông tư 02/2016/TT-TTCT ngày 20/10/2016 của Thanh tra Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của của Thông tư 07/2013/TT-TTCT ngày 31/10/2013.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử bác toàn bộ nội dung khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị Hoa trình bày: Nguồn gốc đất bà B đang khởi kiện là do ông Pháp mua bằng giấy tay của bà Võ Thị Hường năm 1970, tuy nhiên giấy tờ tay do cháy nhà nên thất lạc. Sau này năm 1978, ông Pháp chết không để lại di chúc. Năm 2007, bốn người con của ông Pháp: bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Mai, bà Nguyễn Thị B và ông Nguyễn Văn Bỉ (đã chết và có thừa kế là bà Nguyệt, Hạnh, Phi) đã ra UBND phường Long Hương thỏa thuận chia thừa kế của ông Pháp. Tất cả ký vào Tờ thỏa thuận gia tộc lập ngày 24/12/2007 (có chứng kiến của Tư pháp phường Long Hương), sau đó đi cấp GCNQSD đất, tuy nhiên có thiếu một ít đất trên thực tế, không rõ bao nhiêu mét, nay đề nghị cấp GCNQSD đất cho bà B với phần đất trống; còn phần đất có Mồ mả không cấp GCNQSD đất cho bà B. Bà Hoa không tranh chấp đất với bà B.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu hủy công văn và quyết định sau: Công văn 1560/UBND – VP ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Y về việc trả lời đơn đề nghị ngày 17/11/2017 của bà Nguyễn Thị B. Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B. Không chấp nhận khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu buộc Ủy ban nhân dân Thành phố Y công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với 2.005m² đất thuộc thửa số 04, tờ bản đồ số 17 tại phường X, Thành phố Y, tỉnh Z cho bà Nguyễn Thị B.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 24/5/2019 người khởi kiện bà Nguyễn Thị B có đơn kháng cáo với nội dung: Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

-Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Nguyễn Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo như nêu trên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Luật tổ tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính

Về nội dung: Công văn 1560 của UBND Thành phố Y và Quyết định 6434 của Chủ tịch UBND Thành phố Y được ban hành đúng trình tự, thủ tục, đúng thẩm quyền. Công văn và Quyết định nêu trên có nội dung bác đề nghị và khiếu nại của bà B là có căn cứ vì theo các chứng cứ thể hiện thửa 04/2.005m² là đất nghĩa địa do Ủy ban nhân dân phường Long Hương quản lý. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bà B giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị B đúng về hình thức, nội dung và được nộp trong hạn luật định, nên kháng cáo của bà B được Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Xét kháng cáo của người khởi kiện bà Nguyễn Thị B đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện:

[1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành Công văn 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018; Quyết định 6434/QĐ-UBND ngày 20/12/2018:

[1.1] Ngày 17/11/2017, bà Nguyễn Thị B có đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bổ sung đối với phần diện tích còn lại trong tổng diện tích 2.640m² do nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Pháp (cha bà B). Ngày 15/5/2018 Ủy ban nhân dân Thành phố Y ban hành công văn số 1560/UBND - VP “V/v: trả lời đơn đề ngày 17/11/2017 của bà Nguyễn Thị B, địa chỉ: Số 75A, khu phố Hương Sơn, phường Long Hương, Thành phố Y” với nội dung: *việc bà Nguyễn Thị B đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.005m² thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương nằm trong tổng diện tích 2.640m² do nhận thừa kế của ông Nguyễn Văn Pháp (cha bà B) là không có cơ sở xem xét, giải quyết, lý do: Thửa 04/2.005m², tờ bản đồ số 17, phường Long Hương là đất nghĩa địa do Nhà nước quản lý*”. Không đồng ý với nội dung công văn 1560/UBND –VP, ngày 24/5/2018 bà B có đơn khiếu nại, ngày 20/12/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B, với nội dung: *Bác nội dung khiếu nại theo đơn đề ngày 24/5/2018 của bà Nguyễn Thị B.*

[1.2] Như vậy, căn cứ vào Điều 22 Luật đất đai 2013; Điều 4 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 18, 27, 29, 30, 31 Luật khiếu nại. Ủy ban nhân dân Thành phố Y, Chủ tịch UBND Thành phố Y ban hành Công văn 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018; Quyết định giải quyết khiếu nại 6434/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục.

[1.3] Về thời hạn giải quyết khiếu nại: Ngày 24/5/2018 bà B có đơn khiếu nại công văn 1560/UBND – VP nhưng đến ngày 20/12/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y mới ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại 6434/QĐ-UBND là vi phạm thời hạn giải quyết khiếu nại theo Điều 28 Luật Khiếu nại.

[2] Về hình thức, nội dung Công văn 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018; Quyết định 6434/QĐ-UBND ngày 20/12/2018:

[2.1] Nguồn gốc diện tích đất 2.005m², thửa số 04, tờ bản đồ số 17, phường Long Hương, hiện nay bà Nguyễn Thị B đang đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Diện tích đất này là của gia tộc Đoàn Xuân Chánh do bà Nguyễn Thị An và ông Võ Văn Vĩnh nhận chuyển nhượng của ông Đặng Văn Thọ năm 1918 để làm nghĩa địa gia tộc. Gia đình ông Vĩnh, bà An không trực tiếp quản lý mà giao cho ông Võ Văn Cồn quản lý từ năm 1937. Năm 2007, ông Võ Văn Dân (đại diện Võ Từ Đường) có đơn đề nghị xác minh nguồn gốc đất Võ Từ Đường tạo lập năm 1932 liên quan đến việc sử dụng đất của ông Nguyễn Văn Pháp (do bà Nguyễn Thị Hoa đại diện). Ngày 05/12/2007, Ủy ban nhân dân thị xã Bà Rịa (nay là Thành phố Y) ban hành Quyết định số 2797/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn của ông Võ Văn Dân, có nội dung: "...Căn cứ bản đồ địa chính đo đạc năm 1998, tờ bản đồ số 52 phường Long Hương, vị trí đất các con ông Pháp đang sử dụng như sau: Ông Nguyễn Văn Bỉ sử dụng thửa 183/886,5m²; bà Nguyễn Thị Mai sử dụng thửa 166/311,3m² và bà Nguyễn Thị B sử dụng thửa 149/745,4m²". Như vậy, tổng diện tích đất ông Pháp sử dụng và để lại cho các con chỉ là 1.943,2m² thuộc các thửa 183, 166 và 149 tờ bản đồ số 52 mà không có thửa số 04, tờ bản đồ số 17 phường Long Hương.

[2.2] Ngoài ra, theo hồ sơ địa chính gồm sổ mục kê, bản đồ địa chính năm 1998 và năm 2004 xã Long Hương thể hiện: Sổ mục kê năm 1998 ghi nhận thửa 04/1.934,8 tờ bản đồ số 56 thể hiện là đất nghĩa địa không có cá nhân, tổ chức nào đăng ký; sổ mục kê năm 2004 ghi nhận thửa 04/2.005m² tờ bản đồ số 17 không có cá nhân, tổ chức nào đăng ký. Theo bản đồ địa chính các năm 1998, 2004 thể hiện thửa 04 tờ bản đồ số 17, phường Long Hương là đất chuyên dùng, đất nghĩa địa và thửa đất này hiện UBND phường Long Hương đang trực tiếp quản lý theo Quyết định 1489/QĐ.UB ngày 11/8/2005 của UBND thị xã Bà Rịa.

[2.3] Ngày 12/12/2017 bà Nguyễn Thị B có đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 745,5m² thuộc thửa 149 (nay là thửa 286), tờ bản đồ số 52 (nay là tờ bản đồ số 13), phường Long Hương với nguồn gốc đất tự khai là "thừa kế của cha" mà không kê khai, đăng ký 2.005 m² đất thuộc thửa 04, tờ bản đồ số 17 tọa lạc tại phường Long Hương, Thành phố Y. Ngày 31/10/2008 bà Nguyễn Thị B và ông Lê Hùng Mạnh (chồng bà B) được UBND thị xã Bà Rịa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 761580 đối với thửa 58/753,6m², tờ bản đồ số 13 phường Long Hương. Hơn nữa, tại tờ thỏa thuận gia tộc lập ngày

24/12/2007 (có xác nhận của UBND phường Long Hương), các con cháu của ông Pháp bao gồm: Bà Nguyễn Thị Hoa, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Mai, ông Võ Thanh Tùng, bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, ông Ngô Ngọc Phi cùng thống nhất thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế của ông Pháp để lại gồm các thửa 149/745,4m²; 166/311,3m²; 183/866,4m² tờ bản đồ số 52, phường Long Hương. Bà B đã đồng ý và ký tên vào tờ thỏa thuận gia tộc trên. Theo đó, thống nhất như sau : “... Giao toàn quyền sử dụng đất diện tích 745,4m², thuộc thửa số 149, tờ bản đồ số 52 (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất). Hiện tọa lạc tại khu phố Hương Sơn, phường Long Hương , thị xã Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cho bà Nguyễn Thị B được toàn quyền sử dụng vĩnh viễn...”

[3] Với những căn cứ nêu trên Ủy ban nhân dân Thành phố Y trả lời đơn đề ngày 17/11/2017 của bà Nguyễn Thị B bằng hình thức là Công văn 1560/UBND – VP ngày 15/5/2018 là đúng quy định của luật đất đai, nghị định 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Xét nội dung Công văn 1560/UBND –VP không chấp nhận đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 2.005m², thửa số 04, tờ bản đồ số 17 của bà Nguyễn Thị B là đúng pháp luật, có căn cứ. Tuy nhiên Công văn 1560/UBND-VP còn có nội dung *“Đồng thời UBND thành phố yêu cầu bà B tự giác tháo dỡ, di dời đồ đạc, vật kiến trúc ra khỏi thửa 04/2.005m², tờ bản đồ số 17, phường Long Hương theo quy định”*. Xét nội dung này là không đúng quy định của Luật xử lý vi phạm hành chính.

[4] Sau khi nhận được Công văn 1560/UBND-VP, ngày 24/5/2018 bà B có đơn khiếu nại, ngày 20/12/2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y giải quyết khiếu nại của bà B bằng hình thức ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND là đúng quy định của Luật khiếu nại. Nội dung Quyết định số 6434/QĐ-UBND: Bác nội dung khiếu nại theo đơn đề ngày 24/5/2018 của bà Nguyễn Thị B. Xét nội dung Quyết định số 6434/QĐ-UBND thấy rằng như đoạn [2.1], [2.2] và [2.3] đã phân tích ở trên, nên Chủ tịch UBND Thành phố Y ban hành Quyết định số 6434/QĐ-UBND bác nội dung đơn khiếu nại của bà B là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Xét một phần nội dung Công văn 1560/UBND – VP ngày 15/5/2018 của UBND Thành phố Y là vi phạm Luật xử lý vi phạm hành chính, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bà B, sửa một phần bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B, hủy một phần nội dung công văn 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Y.

[6] Về án phí: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được tính lại như sau:

- Án phí hành chính sơ thẩm:

Ủy ban nhân dân Thành phố Y phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bà B không phải chịu tiền án phí hành chính phúc thẩm.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà B, giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính

Căn cứ vào Điều 22, 99, 100, 101 Luật đất đai 2013; Điều 4, Điều 19 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; Điều 18, 27, 28, 29, 30, 31 Luật khiếu nại. Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị B và sửa một phần bản án sơ thẩm số 38/2019/HC-ST ngày 24/6/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

Hủy một phần Công văn 1560/UBND-VP ngày 15/5/2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố Y, tỉnh Z với nội dung: *“Đồng thời UBND thành phố yêu cầu bà B tự giác tháo dỡ, di dời đồ đạc, vật kiến trúc ra khỏi thửa 04/2.005m², tờ bản đồ số 17, phường Long Hương theo quy định”*.

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B yêu cầu hủy Quyết định số 6434/QĐ-UBND ngày 20/12/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Y về việc giải quyết khiếu nại của bà Nguyễn Thị B.

Về án phí:

- Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu. Ủy ban nhân dân Thành phố Y, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phải chịu 300.000 đồng.

- Án phí hành chính phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị B không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Cục THADS tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Minh Thịnh

CÁC THẨM PHÁN

CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Khởi

Nguyễn Văn Hùng

Hoàng Minh Thịnh